

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2021

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa chị S với anh B”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Diễm và bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny- Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXX-ST ngày 17/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST- HNGĐ ngày 09/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị S, sinh năm 1972.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1970.

Cùng ở địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị S, vắng mặt anh B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn chị Đào Thị S có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q vào năm 1992 (ngày 27/12/2005 đăng ký lại). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B làm ăn thua lỗ nhiều nên gia đình có khó khăn về kinh tế. Anh B lại còn chơi cờ bạc, ngoại tình, vợ con đã khuyên ngăn nhiều nhưng vẫn không nghe mà còn chửi bới, đánh đập vợ con. Chị và anh B đã sống ly thân được một năm nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh B. Tại phiên tòa chị S trình bày, sau khi anh B lên Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q ngày 25/02/2021 để nhận Thông báo phiên hòa giải của Tòa án thì anh B đã đi vắng khỏi địa phương và cũng không khai báo tạm vắng, chị S cũng không biết anh B đi đâu. Lý do là anh B bị nhiều người đến đòi nợ.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/02/1993; Nguyễn Ngọc S1, sinh ngày 09/8/1997 và Nguyễn Quang V, sinh ngày 20/10/2005. Sau khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Chị S mong muốn được trực tiếp nuôi 02 con là cháu S1 (*bị khuyết tật và được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng*) và cháu V. Chị S không yêu cầu anh B góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai cản trở. Về công việc và điều kiện kinh tế, chị S đang làm công nhân tại Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam có thu nhập cơ bản hàng tháng là 4.715.000 đồng. Hiện nay chị cùng 02 con (S1, V) sinh sống tại nhà thôn A, xã Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2021 anh B trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Đào Thị S trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B làm ăn buôn bán thua lỗ, kinh tế khó khăn. Chị S khởi kiện ly hôn anh B không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B và chị S có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/02/1993; Nguyễn Ngọc S1, sinh ngày 09/8/1997 (*cháu S1 bị khuyết tật và được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng*) và Nguyễn Quang V, sinh ngày 20/10/2005. Do anh muốn đoàn tụ cho nên anh không có quan điểm về nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thực trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con được thể hiện: Theo Biên bản xác minh ngày 25/02/2021 với ông Phạm Văn V, Trưởng thôn A và bà Phạm Thị B,

Chi hội trưởng Chi Hội phụ nữ thôn A2, xã Q đều cung cấp thông tin: Mâu thuẫn của chị S và anh B đã xảy ra nhiều năm nay. Chị S đã nhiều lần khởi kiện ly hôn nhưng thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, anh chị trở về đoàn tụ. Anh B làm ăn thua lỗ cho nên chị S đã nhiều lần trả nợ thay. Hiện nay chị S và anh B đang sống ly thân tại gia đình. Tại Biên bản xác minh ngày 15/3/2021 sau khi anh B đến Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q ngày 25/02/2021 để nhận Thông báo phiên hòa giải thì anh B đã đi vắng khỏi địa phương và cũng không khai báo tạm vắng (anh B không thuộc trường hợp phải khai báo tạm vắng). Tại bản khai của các con chung Nguyễn Ngọc S1, Nguyễn Quang V đều mong muốn ở với chị S.

- *Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của bị đơn tại phiên tòa. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giải quyết: *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. *Về con chung:* Con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/02/1993 đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng; con chung Nguyễn Ngọc S1, sinh ngày 09/8/1997 đã trên 18 tuổi nhưng cháu bị khuyết tật, là đối tượng nhận trợ cấp xã hội và con chung Nguyễn Quang V, sinh ngày 20/10/2005 bày tỏ nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Chị S đang làm công nhân tại Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam có thu nhập hàng tháng là 4.715.000 đồng. Xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế chị S khó có khả năng nuôi cả 02 con chung. Tuy nhiên qua xác minh anh B không có mặt tại địa phương. Cả hai con chung đều bày tỏ nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy cần giao con chung cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận việc chị S không yêu cầu anh B phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai cản trở. *Về tài sản chung nợ chung:* Chị và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. *Về án phí:* Nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Đào Thị S và anh Nguyễn Văn B là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn A, xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 09/4/2021 anh B vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị S, anh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình năm 1992 (đăng ký lại ngày 27/12/2005), đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một khoảng thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B nhiều lần buôn bán rau thua lỗ, lại còn chơi cờ bạc và nhiều lần đánh chị S. Anh chị sống ly thân từ năm 2019 cho tới nay, không quan tâm đến nhau, chị S kiên quyết ly hôn vì đã nhiều lần tha thứ cho anh B nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị được ly hôn anh B là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh B chỉ thể hiện mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa, không thể hiện nỗ lực thiện chí đoàn tụ do đó không chấp nhận đề nghị của anh B.

[3] Về con chung: Chị S và anh B có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/02/1993; Nguyễn Ngọc S1, sinh ngày 09/8/1997 và Nguyễn Quang V, sinh ngày 20/10/2005. Do cháu H đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không phải góp cấp dưỡng. Hiện nay chị S đang làm công nhân tại Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam có thu nhập hàng tháng là 4.715.000 đồng. Chị S mong muốn được trực tiếp nuôi cháu S1 (*do cháu S1 bị khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng*) và chị không yêu cầu anh B góp cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng của các cháu S1, V1 đều mong muốn ở với chị S. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao các con chung Nguyễn Ngọc S1 và Nguyễn Quang V cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận việc chị S không yêu cầu anh B phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị S, anh B đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Đào Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn B.
2. *Về con chung*: Giao cho chị S trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc S1, sinh ngày 09/08/1997 và Nguyễn Quang V, sinh ngày 20/10/2005. Anh B không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung (Sơn, Vinh). Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.
3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết.
4. *Về án phí*: Chị Đào Thị S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị S nộp theo Biên lai thu số 0004700 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.
5. Chị Đào Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2021). Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Quỳnh Hải, h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng

